

THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO THEO BL (BLENDED - LEARNING) TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO LUẬT Ở VIỆT NAM

ĐINH THỊ PHƯƠNG HOA*

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá thực trạng áp dụng Mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) (BL) tại một số cơ sở giáo dục đại học (CSGDDH) có đào tạo luật. Bài báo sử dụng phương pháp (1) phỏng vấn với nhóm 15 cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD), 30 giảng viên (GV) và 45 sinh viên (SV) và (2) khảo sát với nhóm 30 CBQLGD và quản lý nhà nước đối với CSGDDH, 30 GV và 450 SV từ một số bên liên quan và CSGDDH có đào tạo luật. Căn cứ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số định hướng thiết kế BL nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo luật hiện nay.

Từ khóa: Mô hình học tập kết hợp (BL); đào tạo luật; cơ sở giáo dục đại học; nền tảng số.

Abstract: This study was conducted to assess the current application of the Blended Learning (BL) model in several universities offering legal education programs. The article employs (1) interviews with a group of 15 educational administrators, 30 lecturers, and 45 students, and (2) surveys involving 30 educational and state management officers, 30 lecturers, and 450 students from various stakeholders and universities providing legal training. Based on the research findings, the article proposes several design orientations for Blended Learning to enhance the quality and effectiveness of legal education today.

Keywords: Blended Learning (BL) model; legal education; higher education institutions; digital platforms.

Ngày nhận bài: 10/3/2025; Ngày sửa bài: 20/4/2025; Ngày duyệt đăng bài: 30/5/2025.

1. Mở đầu

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước. Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm đạt mục tiêu chung là “tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và

học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số”.

Trước xu thế này, giáo dục đại học của Việt Nam cũng đã có nhiều thay đổi để chủ động tham gia, tranh thủ lợi ích tối đa của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như: chuyển đổi mô hình đào tạo và quản trị, áp dụng chuyển đổi số, hội nhập giáo dục mở, áp dụng các mô hình, phương thức triển khai đào tạo mới v.v.. thông qua việc Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT) đã ban

* TS., GVC., Trường Đại học Luật Hà Nội, Email: dinhphuonghoa.ecas@gmail.com

hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT về *Quy chế đào tạo trình độ đại học* (Thông tư 08/2021/TTBGDĐT) đã quy định rõ đối với dạy và học trực tuyến, gồm “..(b) *Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (CTĐT) được thực hiện bằng lớp học trực tuyến...*” (Điều 8). Thông tư này được ban hành kịp thời vào thời điểm toàn Thế giới và Việt Nam trong bối cảnh căng thẳng của Đại dịch COVID-19 đã tạo ra hành lang pháp lý thúc đẩy các cơ sở giáo dục đại học phải thay đổi phương thức dạy học để thích ứng được với mọi hoàn cảnh và hòa nhập với xu thế của thời đại toàn cầu hóa.

Các CSGDDH nói chung và đào tạo luật nói riêng đã và đang có những đổi mới nhất định để đáp ứng nhu cầu xã hội trên tất cả các phương diện hoạt động như không ngừng đổi mới và sáng tạo để có thể dần ứng dụng các sản phẩm của nền giáo dục thông minh vào giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục, nhằm phát triển các trường mang những đặc trưng của nền giáo dục trong kỷ nguyên mới, đó là: sáng tạo - liên ngành - kết nối - công nghệ giáo dục, tuy nhiên, sự thay đổi của phần lớn các CSGDDH vẫn chưa thật đầy đủ, toàn diện vì nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện để trả lời câu hỏi: (1) Thực trạng triển khai BL trong các CSGDDH đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay như thế nào? và (2) Định hướng thiết kế BL như thế nào là phù hợp với đặc thù đào tạo luật ở Việt Nam?

2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

BL hoặc tên gọi khác Hybrid/Mixed Learning là hình thức tổ chức dạy học

phối kết hợp giữa dạy học gặp mặt trực tiếp (face-to-face) với các mô hình dạy học e-Learning và các dạng dạy học trực tuyến hiện nay (bao gồm các định dạng: toàn phần, đồng thời theo thời gian thực hay bán phần, không đồng thời v.v.) trên nền tảng công nghệ số (platforms) (Vu Thi Lan Anh và cộng sự, 2024).

Do đó, BL là “*là một cách thiết kế mô hình dạy học mới để tái cấu trúc lại mô hình dạy học nhằm thúc đẩy việc học tập tích cực có sự hỗ trợ của công nghệ trong môi trường trực tuyến...*” (iNACOL, 2015).

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện để nghiên cứu khám phá, xác định ý nghĩa thực tiễn của vấn đề nghiên cứu, kiểm tra trước phiếu khảo sát nhằm hoàn chỉnh bảng câu hỏi, cũng như đánh giá sơ bộ về nhận thức, tiếp cận hành động. Ngoài ra, phương pháp chọn mẫu thuận tiện cho phép việc chọn mẫu dựa trên tinh thần tự nguyện tham gia nghiên cứu của SV, GV, CBQL, nhằm đáp ứng các tiêu chí thực tế nhất định trong quá trình khảo sát nghiên cứu vì khả năng tiếp cận dễ dàng tại các cơ sở đào tạo.

Tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện có khả năng có nhiều thông tin để có thể tìm ra mức độ hiệu quả của thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo luật tại cơ sở đào tạo cũng như làm cơ sở đối chiếu nhiều nguồn dữ liệu khác để đảm bảo độ tin cậy trong nghiên cứu, bởi vì mức độ hiệu quả của thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo luật có thể có đối với cơ sở đào tạo này nhưng chưa

chắc có thể có hiệu quả đối với cơ sở đào tạo khác và ngược lại.

(1) Mục đích

- Khảo sát về nhận thức của các bên liên quan (CBQL, GV và SV) về dạy học kết hợp (trên cơ sở so sánh các khía cạnh và quan điểm giáo dục, chương trình, các khả năng hỗ trợ học tập)

- Khảo sát chất lượng triển khai và sự hài lòng của người học trong dạy học online và kết hợp (đánh giá mô tả, định tính)

- Đề xuất khuyến nghị hàm ý chính sách cho việc triển khai, quản lý và đảm bảo chất lượng dạy học online và kết hợp

Nguyên tắc, căn cứ

- Bám sát Quy định về kiểm định chất lượng CSGDDH (Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017)

- Tập trung vào hoạt động quản lý, quản trị, triển khai hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng trong bối cảnh dạy học online và kết hợp

- Đặc thù, nguyên tắc, yêu cầu về triển khai dạy học online và kết hợp

(2) Ma trận câu hỏi khảo sát

- Các câu hỏi khảo sát được thiết kế, thực hiện khảo sát trực tuyến và đánh giá phân tích bằng công cụ Google Form.

(3) Câu hỏi phỏng vấn

Phần 1: Câu hỏi dành cho CBQL

Câu 1. Nhận định của Ông/Bà về khả năng áp dụng BL đối với hoạt động đào tạo ngành luật trong bối cảnh tự chủ đại học?

Phần 2: Câu hỏi dành cho GV

Câu 2. Nhận định của Thầy/Cô về việc đã triển khai hoạt động dạy học theo

phương thức E-learning và khả năng áp dụng BL đối với hoạt động đào tạo ngành luật trong bối cảnh tự chủ đại học?

Phần 3: Câu hỏi dành cho SV

Câu 3. Nhận định của Anh/Chị về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học cũng như khả năng áp dụng BL đối với hoạt động học tập ngành luật?

Đối tượng, mẫu khảo sát và phỏng vấn

Phiếu khảo sát được gửi đến các đơn vị đào tạo luật hiện nay ở Việt Nam, bao gồm: Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tòa án, Trường Đại học Mở, Phân hiệu của Trường Đại học Luật Hà Nội tại Đắk Lắk.

Tác giả đã trực tiếp phỏng vấn hoặc gọi điện phỏng vấn đối với nhóm 15 CBQL, 30 GV và 45 SV thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tòa án, Trường Đại học Mở.

2.2. Thực trạng đào tạo theo BL trong các cơ sở giáo dục đại học đào tạo luật

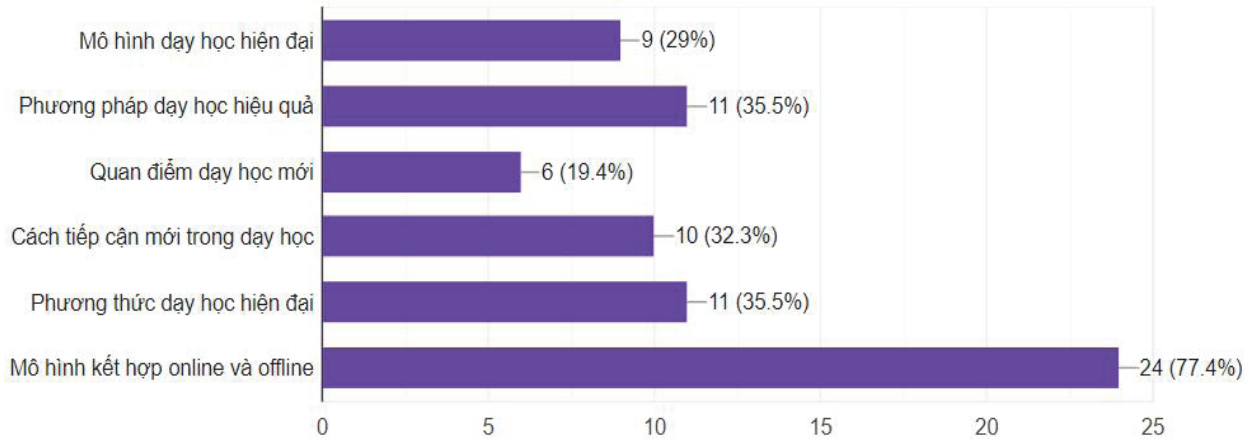
Quá trình khảo sát được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 tập trung khảo sát đánh giá về nhận thức và sự sẵn sàng áp dụng BL trong đào tạo luật đối với CBQL, GV và SV. Giai đoạn 2 khảo sát các vấn đề đặt ra trong việc triển khai hiệu quả các hoạt động phù hợp, các điều kiện và yếu tố đảm bảo triển khai dạy học kết hợp hiệu quả trong đào tạo luật hiện nay.

2.2.1. Kết quả khảo sát và phỏng vấn giai đoạn 1

Về nhận thức của các bên liên quan đối với dạy học kết hợp, kết quả khảo sát trong giai đoạn 1 cho thấy, hầu hết GV và SV đều có nhận thức đúng đắn về BL: mô

hình cần được triển khai trên nền tảng trực tuyến với các nền tảng hỗ trợ quản lý học tập phù hợp (77,4% GV được khảo sát

đều có chung nhận định trên và cho rằng đây là phương thức dạy học hiện đại, cập nhật - 35,5%).

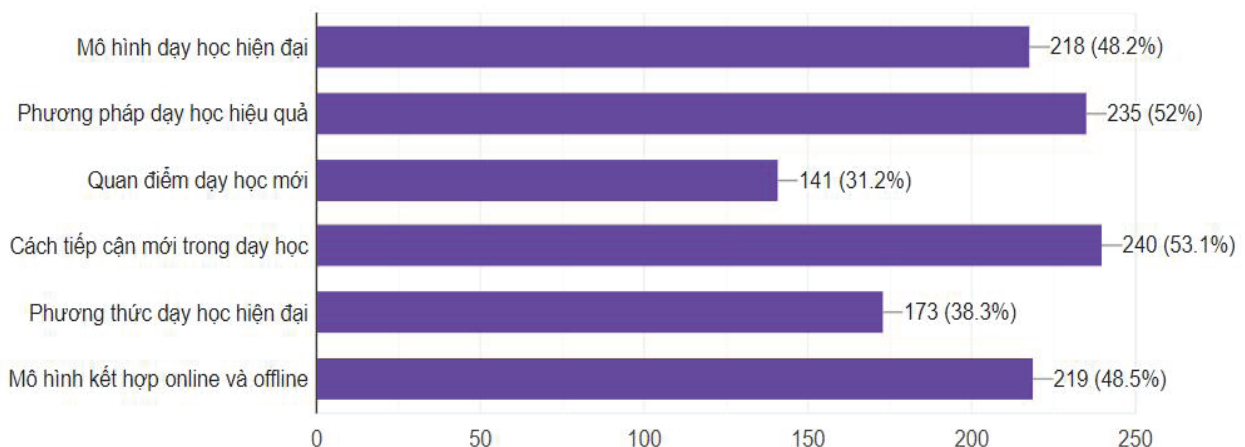


Hình 2. Quan điểm nhận thức của GV về khai BL

Kết quả phỏng vấn 30 GV về việc sử dụng hệ thống E-learning của BL cho thấy nhận thức của GV đã giảm các yếu tố lo ngại như công nghệ, vì đã áp dụng được hệ thống, điều này cho thấy quá trình triển khai thành công, lo ngại không thể áp dụng được đã giảm, giảm lo lắng về biến động thu nhập, các yếu tố khác hầu như ít thay đổi. Do đó, Nhà trường nên áp dụng Mô hình này để tăng tính chủ động của SV đối

với hoạt động học và tự học nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo luật trong bối cảnh tự chủ đại học hiện nay.

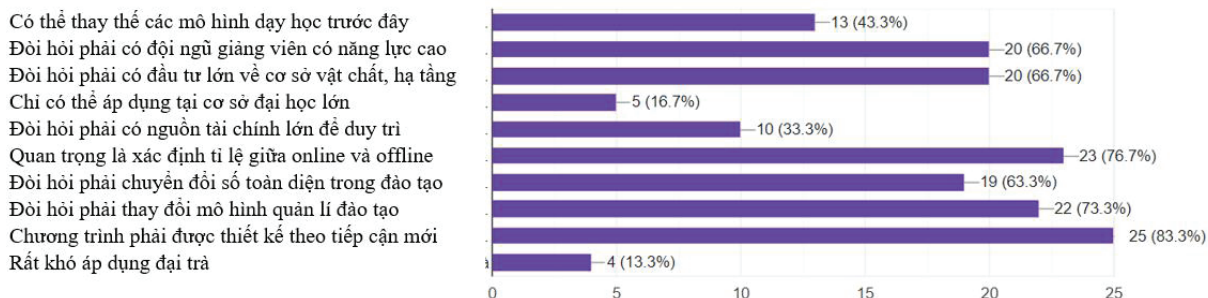
Kết quả khảo sát của **Hình 3** cho thấy, việc triển khai BL trong nhà trường được SV đánh giá là một mô hình tiếp cận mới trong dạy học (53,1%) và cũng cần được dựa trên sự tích hợp hài hòa giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến với các hình thức tổ chức đa dạng khác nhau (48,5%).



Hình 3. Quan điểm nhận thức của SV về khai BL

Mặt khác, khi đánh giá về khả năng áp dụng song hành mô hình dạy học BL với các hình thức tổ chức dạy học hiện hành (truyền thống), CBQL trong nhà trường (Hình 4) đều cho rằng mấu chốt là vấn đề

thiết kế chương trình phù hợp, theo tiếp cận mới (83,3% ý kiến) cùng với việc điều chỉnh, cải tiến và thay đổi mô hình quản lý đào tạo (73,3%).

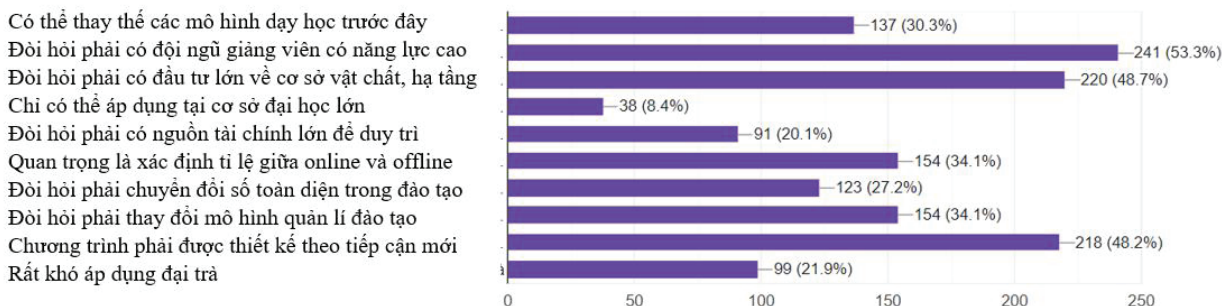


Hình 4. Ý kiến đánh giá của CBQL về khả năng áp dụng triển khai BL

Kết quả phỏng vấn 15 CBQL (Câu hỏi 1) đều khẳng định việc áp dụng BL là rất có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo luật trong bối cảnh tự chủ đại học với những lý do: (1) BL giúp cải thiện sự thành công, sự hài lòng và giữ được chân người học, tăng cường kỹ năng học tập, khả năng tiếp cận thông tin nhiều hơn và kết quả học tập, đồng thời có cơ hội học với người khác và dạy người khác; (2) Các kỹ năng học tập kỹ thuật số đang trở thành điều cần thiết để trở thành người học suốt đời và các khóa học kết hợp giúp người học nắm vững các kỹ năng sử dụng nhiều loại công nghệ và (3) Tăng cơ hội hợp tác từ xa đối với những người học làm việc cùng

nhau trên thực tế trong nỗ lực trí tuệ như một thực hành học tập.

Kết quả khảo sát (Hình 5) dưới đây cũng thể hiện rõ về việc GV nhà trường với các nhiệm vụ thiết kế CTĐT, áp dụng triển khai các hình thức/phương thức tổ chức đào tạo, các phương pháp dạy học cũng như các điều kiện hỗ trợ quá trình dạy học... đặt ra những yêu cầu mới về nâng cao năng lực đội ngũ nhằm thích ứng với mô hình dạy học BL. Trên 53% số ý kiến đánh giá cho rằng cần phải có đội ngũ GV có năng lực cao (năng lực thiết kế chương trình, sử dụng công nghệ, năng lực quản lý lớp học trong môi trường trực tuyến...) để áp dụng hiệu quả khai BL.

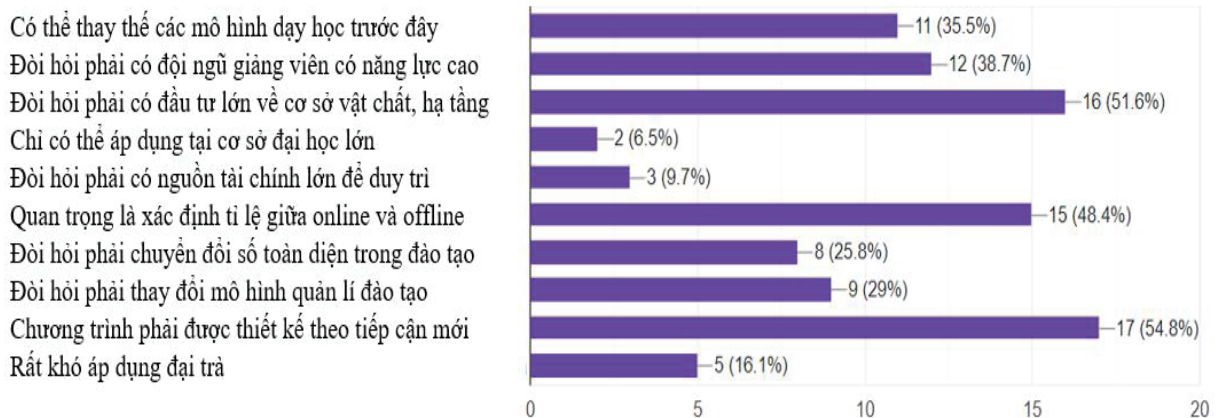


Hình 5. Ý kiến đánh giá của GV về khả năng áp dụng triển khai BL

Kết quả phỏng vấn 30 GV (Câu hỏi 2) cho thấy về việc sử dụng hệ thống E-learning cho thấy nhận thức của GV đã giảm các yếu tố lo ngại. Ngoài ra, 30/30 GV cho biết họ cũng áp dụng song song các nền tảng khác để ứng dụng trong trường hợp đường truyền LMS bị quá tải do toàn bộ hệ thống giáo dục của Việt Nam cùng sử dụng hệ thống E-learning trong thời kỳ đại dịch COVID-19. 30/30 GV cho biết họ đã áp dụng cả hai loại hình bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận đan xen để đảm bảo kiểm tra được mức độ hiểu bài của SV khi tham gia học trực tuyến. Kết quả phỏng

vấn tương thích với kết quả khảo sát, điều này khẳng định kết quả khảo sát hoàn toàn có độ tin cậy.

Về phía SV, các ý kiến phần lớn đồng tình với quan điểm đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới trong CTĐT để phù hợp với những yêu cầu hỗ trợ và đáp ứng nhiệm vụ học tập trong môi trường trực tuyến khi áp dụng dạy học BL (54,8% ý kiến). Điều này cũng phù hợp với quan điểm nhận thức của SV khi cho rằng dạy học BL là tiếp cận mới trong dạy học (**Hình 6**).



Hình 6. Ý kiến đánh giá của SV về khả năng áp dụng triển khai BL

Kết quả phỏng vấn 45 SV (Câu hỏi 3) cho thấy, (1) Tuy thỉnh thoảng bị nghẽn mạng hoặc mạng lag trong quá trình học trực tuyến nhưng học tập dựa trên công nghệ cho phép SV kiểm soát thời gian và địa điểm học mà không gặp trở ngại. Bằng cách tự theo dõi thời gian và cường độ học của mình, SV có thể dành nhiều thời gian hơn cho những nội dung khó hoặc không quen thuộc; (2) Học tập kết hợp cung cấp một nền tảng để tạo điều kiện tương tác tốt hơn giữa SV cũng như với GV. SV có khả

năng tiếp cận nhiều với người hướng dẫn thông qua email để giải đáp kịp thời các vấn đề khó khăn và được phản hồi ngay lập tức, liên tục trong quá trình học tập và (3) Các loại hoạt động học tập bổ sung cải thiện sự tham gia và có thể giúp SV đạt được mức độ học tập cao hơn và có ý nghĩa hơn.

Như vậy, trong giai đoạn 1, nghiên cứu cho thấy rằng kết quả phỏng vấn tương thích với kết quả khảo sát, điều này khẳng định kết quả khảo sát hoàn toàn có độ tin cậy.

2.2.2. Kết quả khảo sát và phỏng vấn giai đoạn 2

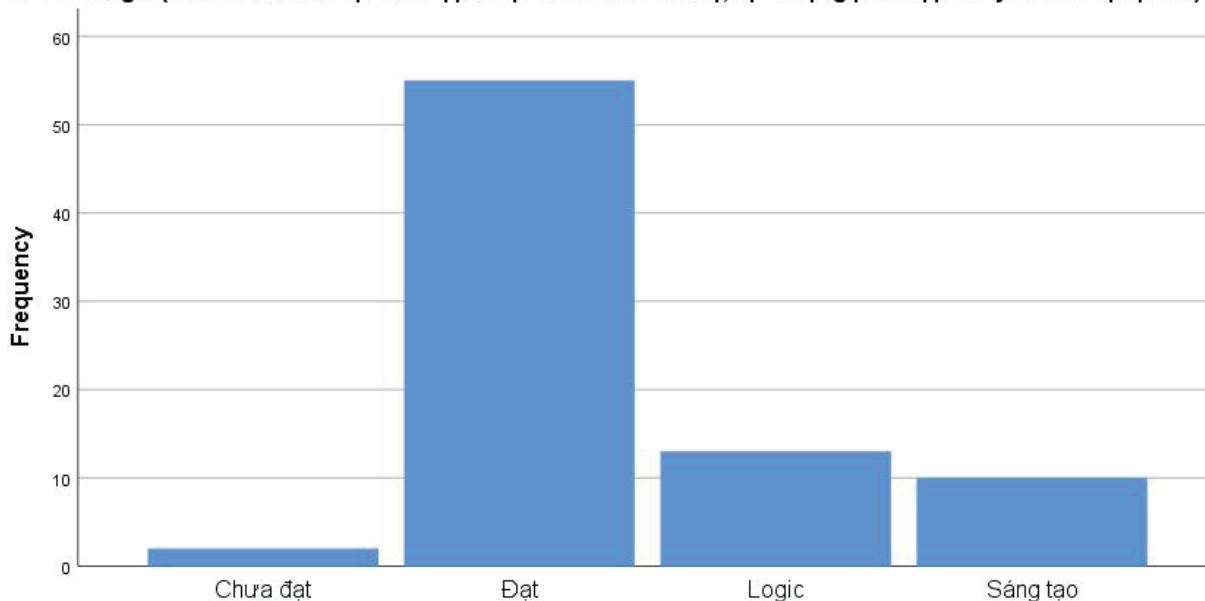
Trong giai đoạn 2, khảo sát thực hiện được triển khai diện rộng nhằm đánh giá sơ bộ tính hiệu quả trong thiết kế dạy học theo BL, quá trình áp dụng các giải pháp và công cụ công nghệ, cũng như những ý kiến đề xuất liên quan đến việc đảm bảo chất lượng và phát triển dạy học theo BL trong thực tiễn đào tạo luật. Kèm theo phiếu khảo sát là bản tự đánh giá từ phía các GV trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức dạy học theo BL trong thời gian qua.

Các đơn vị tham gia khảo sát bao gồm: Công ty Luật Quốc tế D&N, Tổng Cục Thi hành án Dân sự, Cục Kế hoạch Tài chính,

Vụ Pháp Luật Dân Sự Kinh tế - Bộ Tư pháp các Khoa và Bộ môn của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Trường Đại học Lao động - Xã hội, Học viện An ninh Nhân dân, Trường Đại học Công Đoàn, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Trường Đại học Dân lập Phương Đông.

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số các GV đã nắm vững được những nguyên tắc triển khai cơ bản, đảm bảo duy trì được những yêu cầu đối với dạy học theo BL, bước đầu triển khai các hoạt động dạy học trên nền tảng hệ quản lý học tập LMS một cách có hiệu quả (Hình 7,8,9).

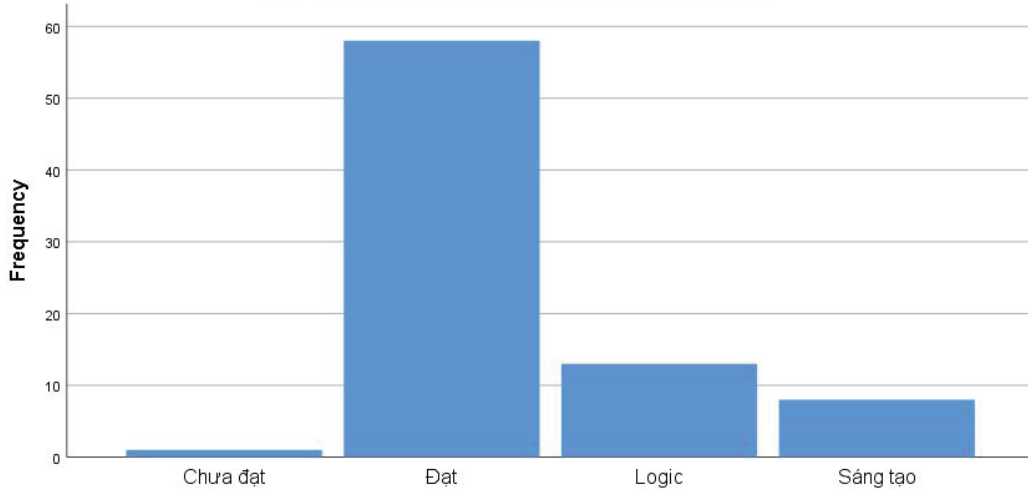
1. Tính Logic (Cấu trúc khóa học kết hợp được thiết kế theo tỉ lệ, định dạng phù hợp với yêu cầu học phần)



1. Tính Logic (Cấu trúc khóa học kết hợp được thiết kế theo tỉ lệ, định dạng phù hợp với yêu cầu học phần)

Hình 7. Thiết kế khóa học theo BL

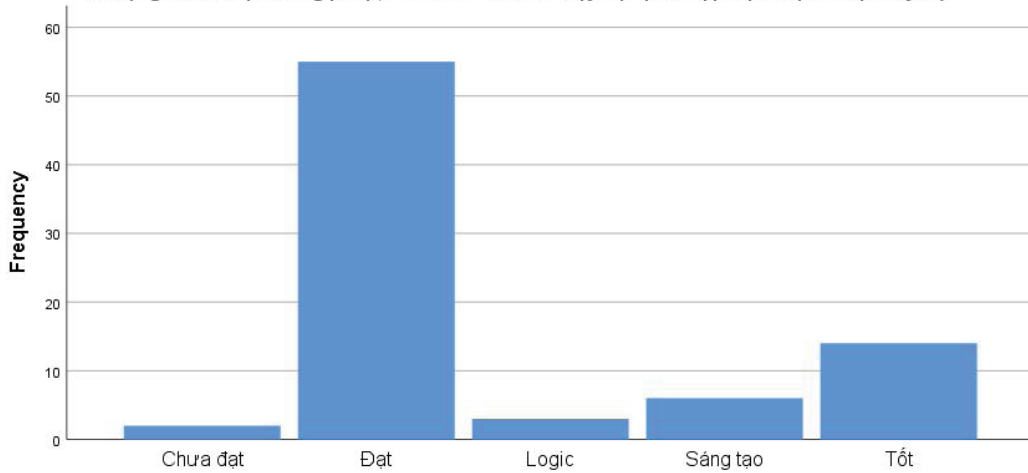
2. Cấu trúc hệ thống nội dung (Nội dung được cấu trúc chặt chẽ theo tỉ lệ học trực tiếp và học trực tuyến hỗ trợ nhu cầu và cơ hội tham gia học tập của người học)



2. Cấu trúc hệ thống nội dung (Nội dung được cấu trúc chặt chẽ theo tỉ lệ học trực tiếp và học trực tuyến hỗ trợ nhu cầu và cơ hội tham gia học tập của người học)

Hình 8. Cấu trúc hệ thống nội dung khóa học theo BL

10. Các chiến lược, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng (Khóa học được thiết kế theo tiếp cận đa dạng hóa các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp trực tiếp và trực tuyến)



10. Các chiến lược, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng (Khóa học được thiết kế theo tiếp cận đa dạng hóa các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp trực tiếp và trực tuyến)

Hình 9. Áp dụng các chiến lược dạy học phù hợp theo BL

Tổng hợp ý kiến đánh giá, đề xuất áp dụng và phát triển theo BL trong đào tạo luật, CBQL và GV đều thống nhất (các ý kiến đều đạt trên 90%) một số nhận định sau: số hóa học liệu cho tất cả các học phần và bổ sung nhiều nguồn học liệu điện tử và E-book cho các lĩnh vực đào tạo của Trường; nâng cấp cơ sở hạ tầng liên quan

đến hệ thống mạng và các phần mềm để có thể áp dụng được phương thức học tập kết hợp (BL) một cách toàn diện; tập huấn kỹ năng cho GV; thường xuyên mời chuyên gia đến trao đổi, hướng dẫn thực hiện, hướng dẫn giải quyết vấn đề phát sinh; luôn cập nhật tài liệu giảng dạy, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học kết hợp với đào tạo;

tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy; xây dựng nguyên tắc, kế hoạch, chương trình và qui trình thực hiện thống nhất; xây dựng qui chế giảng dạy kết hợp trực tiếp và trực tuyến...

2.3. Một số định hướng thiết kế BL cho đào tạo luật

2.3.1. Khả năng tích hợp BL trong triển khai đào tạo luật hiện nay

Trên cơ sở các số liệu điều tra khảo sát và ý kiến chuyên gia thu được, thực hiện việc phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức) có thể đưa ra một số nhận định sau:

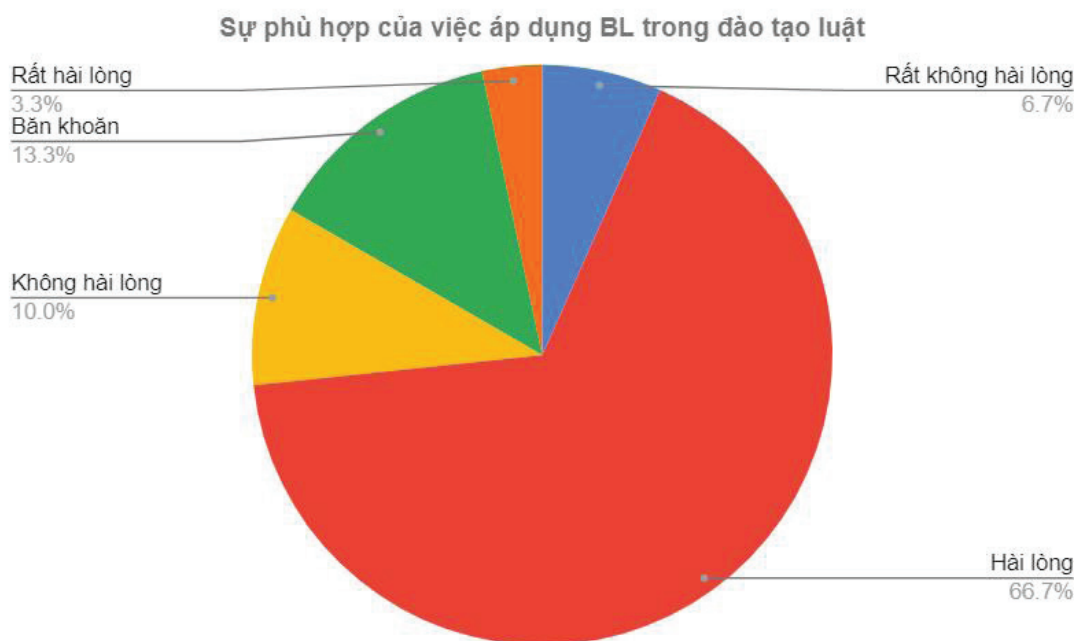
(i) Về tính phù hợp đối với việc áp dụng BL (Hình 10)

+ Tăng tính tương tác: BL cho phép SV tương tác với GV và các bạn cùng lớp thông qua các kênh trực tuyến như diễn đàn, chat hoặc video call. Điều này giúp cho học viên có thể trao đổi thông tin, hỏi đáp thắc mắc một cách nhanh chóng và thuận tiện;

+ Tăng tính linh hoạt: BL cho phép học viên tự điều chỉnh thời gian học tập phù hợp với lịch trình cá nhân và cũng giúp cho GV có thể tổ chức các hoạt động giảng dạy một cách linh hoạt hơn;

+ Tăng tính hiệu quả: BL giúp cho SV có thể tiếp cận nhiều nguồn tài liệu khác nhau, không chỉ từ GV mà còn từ các trang web, sách điện tử, video học trực tuyến. Điều này giúp tăng tính hiệu quả và đa dạng hóa nguồn tài liệu;

+ Tính phù hợp với xu hướng hiện đại: Trong thời đại công nghệ số như hiện nay, việc áp dụng BL không chỉ giúp cho đào tạo luật hiện đại hơn, mà còn phù hợp với xu hướng phát triển của công nghệ và thị trường lao động. Với các lợi ích trên, việc áp dụng BL trong đào tạo luật hiện nay ở Việt Nam là một lựa chọn hợp lý và tiên tiến, giúp tăng cường tính hiệu quả của quá trình học tập và đáp ứng nhu cầu của SV.



Hình 10. Kết quả khảo sát về tính phù hợp của việc áp dụng BL trong đào tạo luật hiện nay

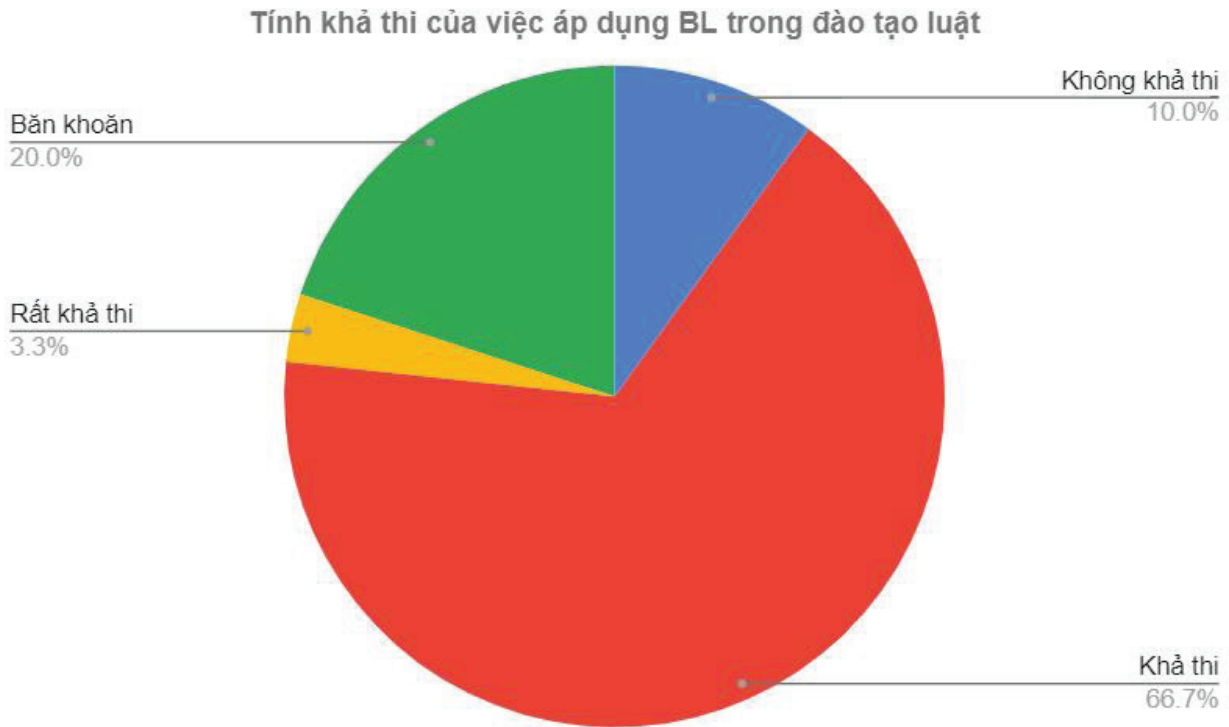
(ii) Về tính khả thi đối với việc áp dụng BL:

Việc áp dụng BL trong đào tạo luật ở Việt Nam là khả thi và có thể mang lại nhiều lợi ích cho SV, GV và các tổ chức giáo dục. Cụ thể:

+ Tính phổ biến: Công nghệ đã phát triển rất nhanh ở Việt Nam trong những năm gần đây, khiến cho người dân và các tổ chức đều có khả năng tiếp cận và sử dụng các công nghệ trực tuyến. Việc áp dụng BL trong đào tạo luật sẽ được hỗ trợ bởi việc sử dụng công nghệ thông tin và Internet, giúp tăng tính khả thi và phổ biến của BL này;

+ Cải thiện chất lượng giảng dạy: BL giúp GV sử dụng các công nghệ giáo dục mới và tiên tiến hơn để cải thiện phương pháp giảng dạy. Việc sử dụng các công nghệ này giúp tăng tính tương tác, đa dạng hóa nội dung giảng dạy và nâng cao hiệu quả giảng dạy;

+ Khả năng đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của SV: BL cho phép SV tiếp cận các nội dung học tập đa dạng, như video, âm thanh, hình ảnh, giúp tăng tính đa dạng và phong phú của quá trình học tập. Điều này giúp đáp ứng nhu cầu của SV và thúc đẩy động cơ, sự hứng thú với quá trình học tập.



Hình 11. Kết quả khảo sát về tính khả thi của việc áp dụng BL trong đào tạo luật hiện nay

(iii) Về tính khoa học trong việc áp dụng BL:

Mô hình đào tạo BL đã được chứng minh hiệu quả trong nhiều lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là ở các CSGDDH hàng đầu thế giới. Việc áp dụng phương pháp này trong đào

tạo luật sẽ đem lại những kết quả chất lượng và đáng tin cậy trong thời gian tối. Kết quả điều tra khảo sát CBQL và GV các đơn vị đào tạo luật cho thấy có 13,3% ý kiến cho rằng mô hình này chưa khoa học, cần nghiên cứu thêm để áp dụng trong bối

cảnh hiện nay, 43,3% cho rằng hoàn toàn đủ căn cứ khoa học có thể áp dụng, còn lại các ý kiến đều cho rằng có thể áp dụng (với những yêu cầu cần được giải quyết như tái cấu trúc CTĐT, nâng cao chất lượng đội ngũ, đầu tư cơ sở hạ tầng v.v.).

Tóm lại, kết quả nghiên cứu đã khẳng định rằng việc áp dụng BL trong đào tạo luật cũng giúp tạo điều kiện thuận lợi cho các CSGDDH nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo nhân lực pháp luật chất lượng cao của đất nước. CTĐT luật cần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để giúp SV hiểu sâu hơn về các vấn đề pháp lý nên BL là một mô hình kết hợp giữa học tập trực tuyến và trực tiếp, giúp tăng cường khả năng thực hành cho SV; việc áp dụng BL trong đào tạo luật cũng đáp ứng được nhu cầu của các SV trong thời đại công nghệ số, khi họ mong muốn được học tập linh hoạt và tiện lợi, phát triển năng lực số cần thiết cho thời đại mới. Ngoài ra, BL có thể giúp giảm thiểu chi phí cho CSGDDH và SV. Việc áp dụng phương pháp này có thể giúp hạn chế tình trạng lãng phí tài nguyên và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Vì vậy, việc áp dụng BL trong đào tạo luật cũng sẽ giúp các trường đào tạo luật tăng cường sức cạnh tranh trong việc thu hút SV.

2.3.2. Một số định hướng thiết kế BL cho đào tạo luật

Trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá thực trạng và khả năng thích ứng với phương thức BL trong một số cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam, tác giả đề xuất một số định hướng nghiên cứu thiết kế áp dụng BL cho các cơ sở đào tạo luật khác trong thời gian tới như sau:

- Nghiên cứu thiết kế áp dụng BL cần phân chia theo từng giai đoạn. Do đó, các cơ sở đào tạo luật có thể căn cứ vào điều kiện thực tế để áp dụng từng bước theo 3 giai đoạn/lộ trình dựa trên triển khai hệ thống quản lý học tập LMS và các giải pháp hỗ trợ học tập trực tuyến theo trực đọc (các hình thức tổ chức dạy học theo qui định: thảo luận sẽ triển khai trực tuyến...) hoặc trực ngang (tích hợp phần triển khai trực tuyến xuyên suốt học phần), cụ thể gồm:

Định hướng 1. *Kết hợp bổ sung* một số nội dung học phần, các hoạt động dạy học trực tuyến với các khóa học có sẵn ở dạng truyền thống (giáp mặt). Ví dụ, nội dung liên quan đến thảo luận và hoạt động thảo luận có thể áp dụng hình thức trực tuyến đồng thời theo thời gian thực, hoặc không đồng thời trên hệ thống LMS;

Định hướng 2. *Kết hợp và từng bước thay thế* một số khóa học và các hoạt động dạy học trực tuyến trong quá trình đào tạo theo phương thức giáp mặt. Ví dụ, đan xen một số học phần được thực hiện trực tuyến toàn phần (đồng thời theo thời gian thực hoặc không đồng thời trên hệ thống LMS); thực hiện một số hình thức kiểm tra đánh giá trực tuyến (trên hệ thống LMS); triển khai một số học phần/chuyên đề đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh theo BL;

Định hướng 3. *Tái cấu trúc, thiết kế lại* từng phần và toàn bộ khóa học theo mô hình kết hợp BL, trong đó cần cân nhắc tỉ lệ triển khai theo phương thức trực tuyến. Trong CTĐT luật, các học phần không liên quan đến các lĩnh vực pháp luật chiếm 19%; các học phần liên quan đến các lĩnh vực pháp luật chiếm 81% (Đinh Thị Phương Hoa,

2022, tr.69). Ví dụ, có thể lựa chọn một số học phần thuộc khối kiến thức chung, khối tự chọn để triển khai trực tuyến, hoặc cho phép người học lựa chọn học phần thay thế trên LMS; áp dụng cho một số loại hình đào tạo đặc thù như văn bằng thứ hai, vừa làm vừa học (văn bằng thứ nhất và văn bằng thứ hai) hay các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ.

- *Triển khai thử nghiệm*, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm, tiến tới vận hành song song các khóa học mới theo BL với các khóa học truyền thống (giáp mặt) và công nhận tương đương.

- *Mở rộng và phát triển* các bậc trình độ của CTĐT theo BL tùy thuộc điều kiện cụ thể của từng CSGDDH có đào tạo luật; tiến tới liên thông, liên kết, sử dụng hệ thống dùng chung, kho học liệu số dùng chung và công nhận kết quả chung (hệ thống chuyển đổi và công nhận tín chỉ) dựa trên nền tảng công nghệ giữa các CSGDDH có đào tạo luật.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã trình bày kết quả phỏng vấn và khảo sát về đánh giá thực trạng áp dụng BL tại một số cơ sở đào tạo luật. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, các đề xuất trong bài báo góp phần tạo khung lý luận cũng như mang lại gợi ý hữu ích cho việc định hướng thiết kế BL cho đào tạo luật, có thể bổ sung, điều chỉnh những thiếu sót từ các nghiên cứu trước đây về áp dụng BL trong đào tạo luật. Để hoàn chỉnh hơn các đề xuất đã đưa ra, nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng khảo sát sang nhiều các CSGDDH có đào tạo luật khác với các mức độ tự chủ khác nhau để có cái nhìn toàn diện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD-ĐT (2017), *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT* về ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.
2. Bộ GD-ĐT (2021), *Thông tư số 08/2021/TTBGDĐT* về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Clayton M. C., M. Horn, and Curtis J. (2014). *Blended: Using Disruptive Innovation to Improve Schools*. San Francisco, California: Jossey-Bass;
4. Đinh Thị Phương Hoa (2022), *Nghiên cứu khả năng áp dụng mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo luật trong bối cảnh tự chủ đại học*. Đề tài KHCN cấp Bộ, Mã số: 2023-58-1004/NS-KQNC.
5. iNACOL (2015), *Pomising practices in blended and online learning blending learning: the evolution of online and face-to-face education from 2008-2015*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*.
7. Vu Thi Lan Anh, Đinh Thi Phuong Hoa, Nguyen Thi Linh Yen, Ton Quang Cuong (2024), *Teacher Capacity Building in High-Performing Digital Education Ecosystem*. In P Kaliraj, G Singaravelu, T.Devi. (2024). *Digital Skill Development for Industry 4.0*. USA, New York: CRC Press. <https://doi.org/10.1201/9781003504894>